

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày 01-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phương Ngọc Thuyên;

Ông Lộc Minh Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 5, khối 5, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không biết tên; con bà Lê Thị T (đã chết); có chồng là Đỗ Viết N (đã chết) và có 01 con sinh năm 2005; tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 (bảy) năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại trại giam Ngọc Lý – Bộ Công an; từ ngày 14/11/2018 đến nay bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư V – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị hại: Chị Nông Thanh H, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nông Văn T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nông Duy H; vắng mặt.
2. Anh Vũ Mạnh C; vắng mặt.
3. Anh Lê Xuân T; vắng mặt.
4. Anh Ngô Duy K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2013, Lê Thị H sang tỉnh Q, Trung Quốc làm nghề massage, gội đầu và làm quen với một người đàn ông Trung Quốc khoảng 30 tuổi tên H, thường gọi là G. Sau khi nhận lời với H về việc đưa phụ nữ sang Trung Quốc làm vợ sẽ được H trả tiền và cho ma túy để sử dụng, sau đó Lê Thị H về Việt Nam. Do trước đây, Nông Thanh H đi chơi cùng Lê Xuân T và được Lê Xuân T đưa lên nhà cậu là Vũ Mạnh C chơi nên có gặp và quen biết với Lê Thị H. Khoảng tháng 01/2014, khi Nông Thanh H đến nhà Vũ Mạnh C chơi, Lê Thị H nói dối với Nông Thanh H rằng Vũ Mạnh C bị gãy chân trong một vụ tai nạn giao thông bên Trung Quốc và rủ Nông Thanh H cùng sang đón Vũ Mạnh C về. Do tin lời nói của Lê Thị H là thật, nên Nông Thanh H đã đi cùng với Lê Thị H sang Trung Quốc. Lê Thị H sau đó đón xe khách đưa Nông Thanh H qua cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh sang Trung Quốc, đến nơi được H đón đưa về nhà và thấy Vũ Mạnh C không bị tai nạn giao thông như Lê Thị H nói, Nông Thanh H đòi về Việt Nam nhưng Lê Thị H không cho. Lê Thị H ở nhà H khoảng 01 tuần rồi về Việt Nam. Sau đó khoảng 01 tuần, Lê Thị H đưa bạn trai là Nông Duy H sang nhà H, tại đây, Lê Thị H được H đưa cho 1.700 nhân dân tệ (NDT) và ma túy tổng hợp để sử dụng. Ngoài ra Lê Thị H còn được H cho tiền để ăn uống và sinh hoạt. Bị Lê Thị H lừa sang Trung Quốc, Nông Thanh H buộc phải làm vợ H, hàng ngày phải theo H đi bán lẻ ma túy. Nông Thanh H sống với H khoảng 02 tháng thì H chết, Lê Thị H đưa Nông Thanh H đến quán cơm của người phụ nữ Việt Nam khoảng 50 tuổi tên là T làm nhân viên phục vụ, trong thời gian phục vụ ở quán cơm, Nông Thanh H liên lạc với dì ruột là Hoàng Thị T. Sau đó ông Nông Văn T là bố đẻ của Nông Thanh H và anh Đào Văn C là chồng chị Hoàng Thị T đã sang Trung Quốc giải cứu đưa Nông Thanh H về Việt Nam vào ngày 18/4/2014. Ngày 06/11/2018, Nông Thanh H làm đơn tố cáo Lê Thị H gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 09/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo điểm đ khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H và người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nông Văn T thỏa

thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại; ông Nông Văn T đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị H 12 – 13 năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi". Tổng hợp hình phạt với bản án số 16/2018/HS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về việc bồi thường trách nhiệm dân sự. Truy thu số tiền 1.700 NDT do bị cáo phạm tội mà có. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại bản luận cứ của Luật sư trình bày: Nhất trí với tội danh và Điều luật mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân để xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, do bản thân hám lời nên đã phạm tội, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng giữa tháng 01/2014, bị cáo Lê Thị H đã lừa gạt đưa Nông Thanh H sang Trung Quốc chuyển giao cho một người đàn ông Trung Quốc tên HT (tức G) để nhận 1.700 nhân dân tệ, thời điểm đó bị hại Nông Thanh H, sinh ngày 15/10/1999 chưa đủ 16 tuổi”. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo điểm đ khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Lê Thị H được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự: “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: đ. Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

[4] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của người phụ nữ và trẻ em. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức và biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tư lợi hám lời, mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, đã coi người phụ nữ, trẻ em là một loại hàng hoá để mua bán trái phép kiếm lợi nhuận. Hiện nay tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em để đưa ra nước ngoài đang là vấn nạn mà Đảng và Nhà nước đang tìm mọi biện pháp ngăn chặn phòng ngừa, nhằm bảo vệ nhân quyền của người phụ nữ và trẻ em. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự trị an trong xã hội, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục, phòng ngừa các hành vi phạm tội tương tự, đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về buôn bán người mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

[5] Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo cần xem xét đến nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo Lê Thị H không có tiền sự, có 01 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 (bảy) năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị H đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thỏa thuận được về việc bồi thường số tiền danh dự, nhân phẩm cho bị hại Nông Thanh H số tiền là 50.000.000 đồng; bồi thường chi phí đi lại tìm con của ông Nông Văn T số tiền là 60.000.000 đồng. Thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba nên cần chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Qua kết quả xác minh tài sản thấy rằng bị cáo không có tài sản để đảm bảo điều kiện thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Bị cáo được hưởng 1.700 Nhân dân tệ (NDT) do đây là số tiền bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu. Số tiền Nhân dân tệ được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VND) tại thời điểm xét xử ngày 01/7/2019 theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 1 NDT = 3.389,9 VND. Do đó, buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp lại số tiền $1.700 \times 3.389,9 = 5.762.830$ (năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm ba mươi) đồng để sung quỹ Nhà nước.

[12] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận; ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét.

[13] Đối với một số đối tượng như: H (tức G) – người Trung Quốc, là người đặt vấn đề với Lê Thị H về Việt Nam tìm phụ nữ để đưa sang Trung Quốc làm vợ và là người tiếp nhận Nông Thanh H. Do yếu tố nước ngoài và đối tượng H (tức G) đã chết nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập xử lý; đối với Vũ Mạnh C, Nông Duy H, Lê Xuân T, Hồ Minh T không biết mục đích của Lê Thị H nên không phạm tội.

[14] Đối với người phụ nữ tên T làm nghề bán cơm bên Trung Quốc, do bị cáo không khai rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, điều tra nên Hội đồng xét xử không đề cập đến đối tượng trên trong Bản án này.

[15] Bị cáo Lê Thị H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[16] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Mua bán người dưới 16 tuổi".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị H 13 (mười ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Lê Thị H 07 (bảy) năm tù, buộc bị cáo Lê Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2019 (được trừ đi thời gian bị cáo đã thi hành hình phạt tù trong bản án trước từ ngày 18/9/2017 đến ngày 01/7/2019).

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị H.

4. Xử truy thu số tiền 5.762.830 (năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm ba mươi) đối với bị cáo Lê Thị H để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: Bị cáo Lê Thị H phải bồi thường số tiền cho bị hại Nông Thanh H số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và phải bồi thường số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nông Văn T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái